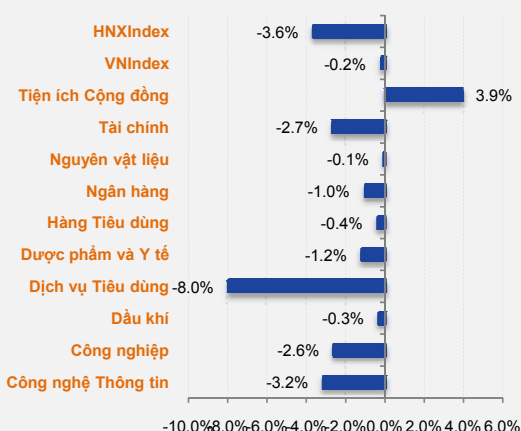


BẢN TIN TUẦN

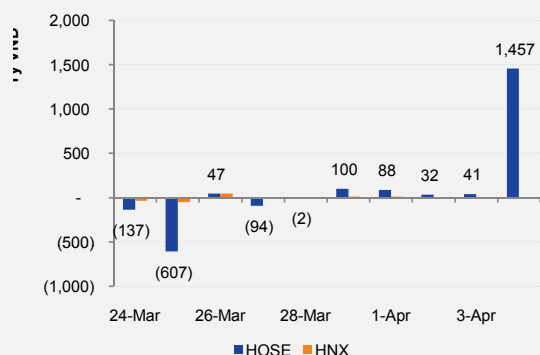
Tuần GD từ: 3/31/2014 - 4/4/2014

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	593.0	↓ -0.2%	86.8	↓ -3.6%
KLGD (trCP)	664.5	↓ -32.8%	445.3	↓ -24.9%
GTGD (tỷ VND)	12,623.2	↓ -27.4%	5,143.1	↓ -25.5%
Tổng cung (trCP)	1,037.3	↓ -39.4%	637.5	↓ -20.3%
Tổng cầu (trCP)	958.4	↓ -45.9%	567.2	↓ -25.8%
Giao dịch NĐT nước ngoài				
KL mua (trCP)	63.61	↑ 104.3%	6.13	↓ -26%
KL bán (trCP)	28.20	↓ -39.0%	6.89	↓ -41%
GT mua (tỷ VND)	3,001.7	↑ 143.0%	123.49	↓ -7%
GT bán (tỷ VND)	1,284.2	↓ -36.7%	95.60	↓ -48%

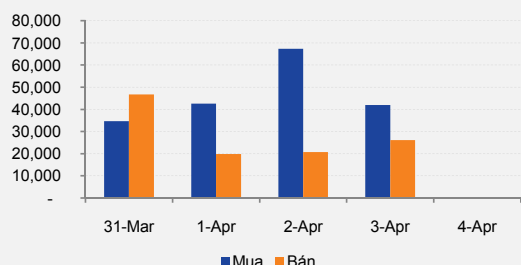
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Giá trị giao dịch tự doanh trên HOSE



TIẾP TỤC ĐIỂN BIẾN ĐIỀU CHỈNH KỸ THUẬT - DÒNG TIỀN PHÂN HÓA GIỮA CÁC MÃ CỔ PHIẾU - CỔ PHIẾU BLUECHIPS TÍCH CỰC HƠN THỊ TRƯỜNG CHUNG

Kinh tế vĩ mô

- Tăng trưởng tín dụng cải thiện trong tháng 3 dù tốc độ chậm - Thủ tướng Chính phủ yêu cầu đẩy nhanh tăng trưởng tín dụng, giảm lãi suất khoản vay cũ

- Phương án về tỷ lệ sở hữu của NĐTNN tại DNNY cần xây dựng khả thi hơn

Thị trường chứng khoán

- Thị trường ghi nhận tuần điều chỉnh giảm điểm thứ hai liên tiếp trên cả hai sàn

- KLGD giảm khá mạnh so với tuần giao dịch trước khi tâm lý nhà đầu tư thận trọng hơn

- Dòng tiền có xu hướng quan tâm hơn đến nhóm cổ phiếu Bluechips. Áp lực cung tại nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng khá mạnh.

- NĐTNN mua ròng trở lại trên cả hai sàn. Giá trị mua ròng tăng đột biến tại sàn HOSE nhờ khối lượng mua thỏa thuận hơn 22 triệu cổ phiếu VIC

Phân tích kỹ thuật

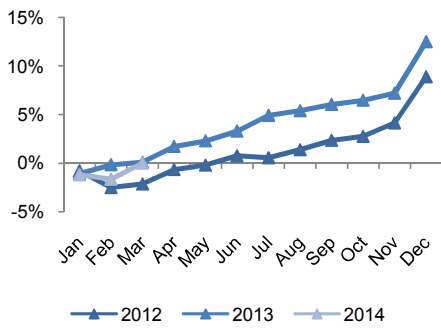
- Chỉ số VN-Index giảm mạnh đầu tuần, tăng điểm cuối tuần phản ứng với ngưỡng hỗ trợ của đường MA50.

- Chỉ số HNX-Index giảm điểm đầu tuần, tăng điểm cuối tuần phản ứng với ngưỡng hỗ trợ 85 điểm.

Nhận định: Thị trường ghi nhận tuần điều chỉnh giảm điểm thứ 2 liên tiếp sau thời gian tăng nóng từ đầu năm. Hai chỉ số Index tăng điểm trở lại trong nửa cuối tuần, phản ứng với mốc hỗ trợ (đường MA50 ngày đối với VN-Index, 85 điểm đối với HNX-Index). Tuy nhiên thời gian phục hồi không kéo dài, thanh khoản toàn thị trường giảm khá mạnh cho thấy quan điểm thận trọng còn phổ biến. Dòng tiền có chiều hướng quan tâm hơn đến nhóm cổ phiếu Bluechips kỳ vọng KQKD tích cực hoặc thông tin hỗ trợ mùa ĐHCĐ. Dòng tiền vào nhóm cổ phiếu nhỏ duy trì quan điểm thận trọng.

Chỉ số VN-Index phục hồi khá khi tiếp cận ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật cho tín hiệu về lực cầu bắt đáy. Ngưỡng cân kỹ thuật của VN-Index là khoảng 590-595 điểm. Tuy nhiên diễn biến phục hồi không đi kèm với yếu tố thanh khoản chưa cho tín hiệu đủ tích cực về kỹ thuật. Thị trường vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh giảm sau thời gian tăng nóng. Mức hỗ trợ kỹ thuật của VN-Index là +/- 575 điểm, mốc hỗ trợ mạnh hơn là +/-565 điểm. Mốc hỗ trợ kỹ thuật của HNX-Index là +/-85 điểm, mức hỗ trợ tiếp theo là +/-80 điểm.

Nhà đầu tư ngắn hạn không nên nóng vội bắt đáy. Nhà đầu tư trung hạn xem xét giải ngân một phần danh mục ở những thời điểm thị trường giảm sâu, tập trung vào những cổ phiếu cơ bản, dự kiến KQKD Q1 khả quan.

STT	Thông tin cập nhật trong tuần	Quan điểm đánh giá của SHS
1	<p>Tăng trưởng tín dụng cải thiện trong tháng 3 dù tốc độ chậm - Thủ tướng Chính phủ yêu cầu đẩy nhanh tăng trưởng tín dụng, giảm lãi suất khoản vay cũ</p> <p>Tăng trưởng tín dụng YTD</p>  <p>Nguồn: SBV</p>	<p>Theo NHNN, tăng trưởng tín dụng đang có sự cải thiện theo từng tháng. Tín dụng tháng 1 giảm 0,55%, tháng 2 giảm 0,65%, tháng 3 đã tăng khoảng 1,35% so với tháng 2. Tính lũy kế 3 tháng đầu năm, tăng trưởng tín dụng đạt 0,01%, so với cùng kỳ năm trước tăng khoảng 11,59%, tương đương năm 2013. Phân chia theo lĩnh vực, đến cuối tháng 1/2014, tín dụng xuất khẩu tăng 1,28%, công nghiệp hỗ trợ tăng 1,73%, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao tăng 0,41% so với cuối năm 2013. Đến cuối tháng 2/2014, tín dụng đối với nông nghiệp nông thôn tăng khoảng 0,15% so với cuối năm 2013. Tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn giảm so với cuối năm 2013 bởi sức hấp thụ vốn của khối này thấp.</p> <p>Theo Vụ Chính sách tiền tệ, hệ thống ngân hàng không thể đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng trong bối cảnh sức hấp thụ vốn của nền kinh tế còn ở mức thấp. Mặt khác, hệ thống Ngân hàng cũng không thể tăng trưởng tín dụng vào những địa chỉ tiềm ẩn rủi ro, không thu hồi được vốn. Do đó, bên cạnh các giải pháp của hệ thống ngân hàng, cần sự phối hợp đồng bộ từ các giải pháp chính sách vĩ mô khác trong việc đẩy mạnh giải ngân, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản, giải ngân vốn từ nguồn phát hành TPCP cũng như tăng cường hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn để tăng thanh khoản vào nền kinh tế.</p> <p>Thủ tướng Chính phủ yêu cầu NHNN đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng để tăng tổng cầu của nền kinh tế. Tăng trưởng tín dụng cần dần đều, không tập trung vào các tháng cuối năm, gắn với chất lượng tín dụng, giải quyết nợ xấu. Thủ tướng cũng đề nghị các bộ, ngành địa phương quan tâm đến tăng tổng cầu đầu tư, thúc đẩy giải ngân đầu tư công, vốn đối ứng, công tác giải phóng mặt bằng. Về lãi suất, Thủ tướng đánh giá lãi suất khoản vay mới đã khá thấp. Tuy nhiên, NHNN xem xét có biện pháp giảm lãi suất khoản vay cũ, hỗ trợ khó khăn với doanh nghiệp.</p>
2	<p>Phương án về tỷ lệ sở hữu của NĐTNN tại DNNY cần xây dựng khả thi hơn</p>	<p>Theo Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đang chỉ đạo Bộ Tài chính thực hiện điều chỉnh phương án về sự tham gia của NĐTNN trên TTCK Việt Nam. Yêu cầu đặt ra là cần đề xuất giải pháp khả thi, nhằm đưa ra phương án tối ưu khơi dậy sự tham gia của NĐTNN trên TTCK Việt Nam. Bộ Tài chính đang khẩn trương hoàn thiện phương án này, để chuẩn bị trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.</p> <p>Hiện thị trường đang có không nhiều ý kiến khác nhau liên quan đến việc chọn phương án về tỷ lệ sở hữu của NĐTNN tại DNNY. Cụ thể, 1/ trực tiếp tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết tại các công ty Việt Nam cho NĐTNN; 2/ phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết (NVDR); 3/ kết hợp cả hai phương án trên. Theo thông tin liên quan đến dự thảo Bộ Tài chính trình Chính phủ, phương án đưa ra mới đơn thuần là việc tăng tỷ lệ sở hữu có quyền biểu quyết. Quyết định này có thể bị ảnh hưởng nếu như ban lãnh đạo doanh nghiệp muốn duy trì quyền kiểm soát. Do vậy, dự kiến Bộ Tài chính có thể nghiên cứu thêm phương án phát hành NVDR, phương án được sử dụng rất hiệu quả trên TTCK các quốc gia khu vực.</p> <p>Văn phòng Chính phủ chưa thông tin về phương án cụ thể thu hút vốn ngoại, cũng như thời điểm dự kiến ban hành chính sách này. Do vậy, sẽ phải cần thêm thời gian để hoàn chỉnh và ban hành quy định về nơi room cho NĐTNN.</p>

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index giảm mạnh đầu tuần, tăng điểm cuối tuần phản ứng với ngưỡng hỗ trợ của đường MA50.

- KLGD giảm mạnh so với tuần giao dịch trước, đặc biệt trong phiên thị trường tăng điểm

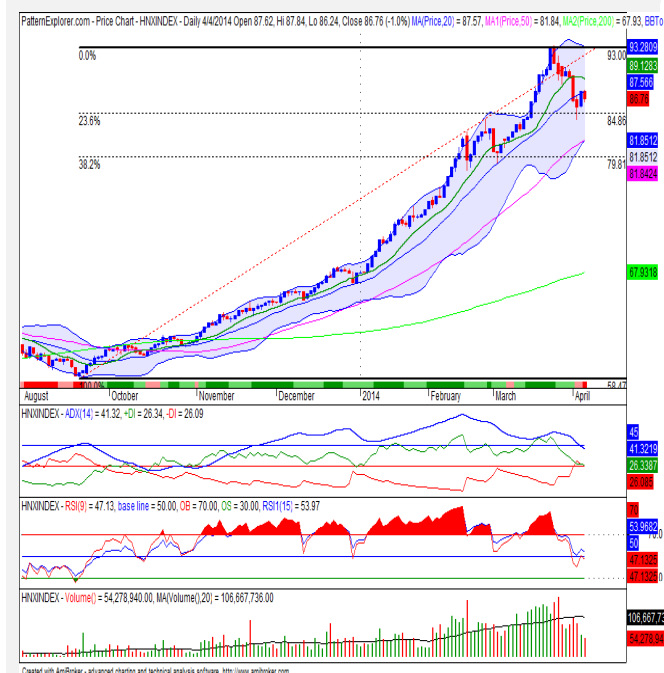
- Chỉ số RSI14 ở mức 54 điểm, tâm lý nhà đầu tư khá thận trọng. Đường MACD tiếp tục mở rộng khoảng cách phía dưới đường tín hiệu, cho tín hiệu về xu hướng giảm.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp tục tuần điều chỉnh giảm điểm thứ 2 liên tiếp sau thời gian tăng nóng từ đầu năm. Thị trường tăng điểm trở lại trong nửa cuối tuần, phản ứng với mốc hỗ trợ của đường MA50 ngày. Tuy nhiên thời gian phục hồi không kéo dài, thanh khoản toàn thị trường giảm khá mạnh cho thấy quan điểm thận trọng còn phổ biến. Dòng tiền có chiều hướng quan tâm hơn đến nhóm cổ phiếu Bluechips kỳ vọng KQKD tích cực hoặc thông tin hỗ trợ mùa ĐHCĐ. Dòng tiền vào nhóm cổ phiếu nhỏ duy trì quan điểm thận trọng.

Chỉ số VN-Index phục hồi khá khi tiếp cận ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật cho tín hiệu về lực cầu bắt đáy. Ngưỡng cản kỹ thuật của VN-Index là khoảng 590-595 điểm. Tuy nhiên diễn biến phục hồi không đi kèm với yếu tố thanh khoản chưa cho tín hiệu đủ tích cực về kỹ thuật. Thị trường vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh giảm sau thời gian tăng nóng. Mức hỗ trợ kỹ thuật của VN-Index là +/- 575 điểm, mốc hỗ trợ mạnh hơn là +/-565 điểm.

Nhà đầu tư ngắn hạn không nên nóng vội bắt đáy. Nhà đầu tư trung hạn xem xét giải ngân một phần danh mục ở những thời điểm thị trường giảm sâu.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index giảm điểm đầu tuần, tăng điểm cuối tuần phản ứng với ngưỡng hỗ trợ 85 điểm.

- KLGD giảm mạnh so với tuần giao dịch trước, đặc biệt trong phiên thị trường tăng điểm

- Chỉ số RSI14 giảm xuống mức 53 điểm, tâm lý nhà đầu tư khá thận trọng. Đường MACD tiếp tục mở rộng khoảng cách phía dưới đường tín hiệu, cho tín hiệu về xu hướng giảm ngắn hạn.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp tục tuần điều chỉnh giảm điểm thứ 2 liên tiếp, khi tiếp cận ngưỡng cản kỹ thuật 92 điểm. Thị trường tăng điểm trở lại trong nửa cuối tuần, phản ứng với mốc hỗ trợ 85 điểm. Tuy nhiên thời gian phục hồi không kéo dài, thanh khoản toàn thị trường giảm khá mạnh cho thấy quan điểm thận trọng còn phổ biến. Dòng tiền có chiều hướng quan tâm hơn đến nhóm cổ phiếu Bluechips kỳ vọng KQKD tích cực hoặc thông tin hỗ trợ mùa ĐHCĐ. Dòng tiền vào nhóm cổ phiếu nhỏ duy trì quan điểm thận trọng.

Các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho tín hiệu về xu hướng thị trường điều chỉnh ngắn hạn. Mốc hỗ trợ gần nhất của HNX-Index là +/-85 điểm, mức hỗ trợ tiếp theo của HNX-Index là +/-80 điểm.

Nhà đầu tư trung hạn xem xét giải ngân một phần danh mục ở những thời điểm thị trường giảm sâu, tập trung vào những cổ phiếu cơ bản, dự kiến KQKD Q1 khả quan.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SD7	HNX	343.78	236.0%	4.7	47100.0%	760.25	-5.1%	7.97	142.4%	17.1%	2.87
2	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.20
3	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.11
4	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.08
5	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.56
6	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
7	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
8	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91
9	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	15.73
10	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	2.19

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	DHC	HOSE	135.56	26.0%	9.35	91.6%	454.35	33.3%	27.05	1165.0%	158.7%	1.12
2	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
3	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
4	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
5	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
6	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	49.00
7	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
8	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.22
9	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	5.15
10	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.51
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.99
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	29.86
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.57
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.65
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.57
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.65
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.40
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.94
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.19

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 03/04/2014



HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VIC	20,865,390	DPM	2,293,510
2	ITA	2,919,660	IJC	711,540
3	ITC	1,720,280	SAM	596,980
4	BID	1,595,820	HPG	505,470
5	HAG	1,568,370	PET	500,440

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	817,298	SHB	2,429,400
2	PGS	433,100	KLS	486,100
3	VND	412,000	PVL	469,500
4	VCG	267,200	KHL	158,400
5	PVC	195,810	DBC	105,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	10.6	10.1	↓ -4.72%	67,633,020
FLC	14.1	14.9	↑ 5.67%	47,363,270
VIC	74.0	73.5	↓ -0.68%	25,294,920
SSI	29.3	29.1	↓ -0.68%	20,745,240
HAG	28.0	28.8	↑ 2.86%	20,035,024

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVX	6.6	6.4	↓ -3.03%	52,355,855
SHB	11.4	10.7	↓ -6.1%	43,612,068
KLS	14.6	14.3	↓ -2.05%	31,753,890
VIX	10.3	12.9	↑ 25.24%	30,961,460
SCR	11.9	10.6	↓ -10.92%	30,693,167

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VNG	8.2	11.0	2.8	↑ 34.15%
PXM	2.9	3.5	0.6	↑ 20.69%
SGT	4.0	4.7	0.7	↑ 17.50%
KAC	9.4	11.0	1.6	↑ 17.02%
VHC	27.1	31.3	4.2	↑ 15.50%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TET	10.1	13.4	3.3	↑ 32.67%
VIX	10.3	12.9	2.6	↑ 25.24%
INC	5.6	6.9	1.3	↑ 23.21%
TSM	3.1	3.7	0.6	↑ 19.35%
SMT	18.6	22.0	3.4	↑ 18.28%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

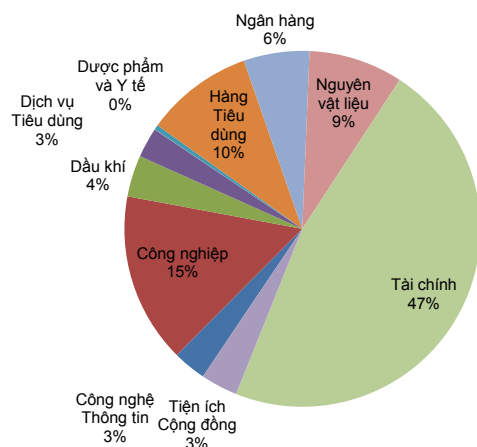
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TNT	4.3	3.5	-0.8	↓ -18.60%
HSI	4.8	4.0	-0.8	↓ -16.67%
CYC	8.5	7.3	-1.2	↓ -14.12%
DRH	5.1	4.4	-0.7	↓ -13.73%
CIG	5.9	5.1	-0.8	↓ -13.56%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KHL	5.0	3.5	-1.5	↓ -30.00%
HST	12.2	9.0	-3.2	↓ -26.23%
BHT	7.0	5.2	-1.8	↓ -25.71%
NHA	7.7	5.8	-1.9	↓ -24.68%
PSG	4.5	3.5	-1.0	↓ -22.22%

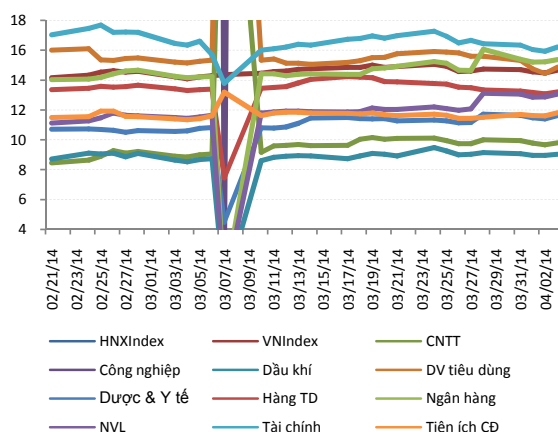
(*) Giá điều chỉnh

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



Chuỗi PE ngành và thị trường



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	67,633,020	1.3%	140	72.0	0.9
FLC	47,363,270	8.1%	1,133	13.1	1.1
VIC	25,294,920	54.2%	7,405	9.9	4.6
SSI	20,745,240	8.0%	1,193	24.4	1.9
HAG	20,035,024	7.5%	1,287	22.4	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	52,355,855	0.0%	-4,057	-	2.4
SHB	43,612,068	7.6%	854	12.5	0.9
KLS	31,753,890	5.5%	716	20.0	1.1
VIX	30,961,460	14.7%	1,414	9.1	1.2
SCR	30,693,167	0.4%	53	200.0	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/- %	ROE	EPS	P/E	P/B
VNG	↑ 34.1%	0.3%	35	310.0	1.0
PXM	↑ 20.7%	0.0%	-10,121	-	0.0
SGT	↑ 17.5%	1.1%	64	73.4	0.9
KAC	↑ 17.0%	0.7%	91	121.0	0.9
VHC	↑ 15.5%	11.5%	2,667	11.7	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/- %	ROE	EPS	P/E	P/B
TET	↑ 32.7%	3.9%	477	28.1	1.2
VIX	↑ 25.2%	14.7%	1,414	9.1	1.2
INC	↑ 23.2%	4.1%	503	13.7	0.6
TSM	↑ 19.4%	0.0%	-1,560	-	0.3
SMT	↑ 18.3%	20.0%	2,596	8.5	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	20,865,390	54.2%	7,405	9.9	4.6
ITA	2,919,660	1.3%	140	72.0	0.9
ITC	1,720,280	0.0%	-4,329	-	0.5
BID	1,595,820	13.8%	1,547	10.9	1.5
HAG	1,568,370	7.5%	1,287	22.4	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	817,298	21.6%	3,707	7.9	1.6
PGS	433,100	20.8%	4,711	7.5	1.5
VND	412,000	10.8%	1,247	14.4	1.5
VCG	267,200	9.1%	1,123	13.8	1.2
PVC	195,810	9.3%	1,571	11.5	1.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	163,918	40.6%	6,484	13.3	4.9
VNM	120,853	39.6%	7,839	18.5	6.9
VCB	72,535	10.4%	1,881	16.6	1.7
MSN	68,714	3.2%	642	145.7	4.8
VIC	66,794	54.2%	7,405	9.9	4.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,758	6.6%	889	19.2	1.3
PVS	13,088	21.6%	3,707	7.9	1.6
SHB	9,481	7.6%	854	12.5	0.9
SQC	8,602	0.0%	-249	-	6.5
VCG	6,847	9.1%	1,123	13.8	1.2



LỊCH SỰ KIỆN TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
2/20/2014	4/4/2014	3/3/2014	3/27/2014	CNG	Đại hội Đồng Cổ đông
3/3/2014	4/4/2014	3/11/2014	3/7/2014	PVA	Đại hội Đồng Cổ đông
4/4/2014	4/4/2014	4/4/2014	4/4/2014	CT3	Kết quả kinh doanh năm chính thức
4/4/2014	4/4/2014	4/4/2014	4/4/2014	IHK	Kết quả kinh doanh năm chính thức
4/4/2014	4/4/2014	4/4/2014	4/4/2014	DNS	Kết quả kinh doanh năm chính thức
4/4/2014	4/4/2014	4/4/2014	4/4/2014	PVE	Kết quả kinh doanh năm chính thức
4/4/2014	4/4/2014	4/4/2014	4/4/2014	VFR	Kết quả kinh doanh năm chính thức
4/4/2014	4/4/2014	4/4/2014	4/4/2014	PPG	Kết quả kinh doanh năm chính thức
2/19/2014	4/4/2014	3/4/2014	2/28/2014	VE1	Đại hội Đồng Cổ đông
2/24/2014	4/4/2014	3/4/2014	2/28/2014	SD4	Đại hội Đồng Cổ đông
2/25/2014	4/4/2014	3/14/2014	3/12/2014	VNX	Đại hội Đồng Cổ đông
3/13/2014	4/4/2014	3/25/2014	3/21/2014	ABI	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12/24/2013	4/4/2014	12/31/2013	12/27/2013	DBC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/7/2014	4/4/2014	3/26/2014	3/24/2014	KDC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/5/2014	4/4/2014	3/14/2014	3/12/2014	MCF	Đại hội Đồng Cổ đông
2/20/2014	4/5/2014	3/4/2014	2/28/2014	C21	Đại hội Đồng Cổ đông
3/6/2014	4/5/2014	3/14/2014	3/12/2014	NHC	Đại hội Đồng Cổ đông
3/5/2014	4/5/2014	3/12/2014	3/10/2014	VNT	Đại hội Đồng Cổ đông
3/5/2014	4/5/2014	3/14/2014	3/12/2014	VDL	Đại hội Đồng Cổ đông
2/26/2014	4/5/2014	3/7/2014	3/5/2014	TMT	Đại hội Đồng Cổ đông
2/26/2014	4/5/2014	3/6/2014	3/4/2014	HLY	Đại hội Đồng Cổ đông
2/28/2014	4/5/2014	3/14/2014	3/12/2014	HAP	Đại hội Đồng Cổ đông
2/26/2014	4/5/2014	3/7/2014	3/5/2014	VGS	Đại hội Đồng Cổ đông
2/21/2014	4/5/2014	3/4/2014	2/28/2014	HDG	Đại hội Đồng Cổ đông
2/26/2014	4/5/2014	3/12/2014	3/10/2014	VTB	Đại hội Đồng Cổ đông
2/12/2014	4/5/2014	2/27/2014	2/25/2014	OPC	Đại hội Đồng Cổ đông
3/11/2014	4/5/2014	3/17/2014	3/13/2014	HPB	Đại hội Đồng Cổ đông
12/5/2013	4/7/2014	2/14/2014	4/12/2014	EID	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4/4/2014	4/7/2014	4/4/2014	4/4/2014	STB	Thay đổi BLĐ
3/5/2014	4/7/2014	3/12/2014	3/10/2014	BDB	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)